

## TUẦN 34

### TIẾT 132,133: ÔN TẬP TỔNG HỢP KÌ II

#### I/. Mục tiêu cần đạt:

##### 1. Kiến thức:

- Khả năng vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kỹ năng cả ba phân môn: Văn, Tiếng Việt, Tập Làm Văn của môn học Ngữ Văn trong bài kiểm tra.

##### 2. Kỹ năng:

- Năng lực vận dụng phương thức thuyết minh/phương thức tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm trong một bài viết và kỹ năng Tập Làm Văn nói chung để trình bày thành một văn bản.

#### II/. Chuẩn bị:

Giáo viên: giáo án, SGK, SGV, STK, đề kiểm tra.

Học sinh: SGK, STK, học bài.

#### III/. Các bước lên lớp:

##### 1. Ổn định lớp: (1')

##### 2. Kiểm tra bài cũ: không.

##### 3. Bài mới:

Gv dựa vào sgk trang và dựa vào đề cương ôn tập tất cả các đơn vị kiến thức của 3 phân môn đã học ( Đọc văn, tiếng Việt, Tập làm văn) cũng như một số dạng đề kiểm tra học kì trước đây để định hướng và ôn tập cho học sinh chuẩn bị tốt nhất cho bài kiểm tra sắp đến

#### **IV. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC : ( 2')**

- Ôn tập lại toàn bộ nội dung chương trình học kì II

- Soạn bài : Văn bản thông báo ( Đặc điểm VBTB, cách làm VBTB...)

#### **V. RÚT KINH NGHIỆM ,BỔ SUNG:**

.....  
.....

## Tiết 134,135 Kiểm tra học kỳ II

### TUẦN 35

#### Tiết 136

## VĂN BẢN THÔNG BÁO

### I. MỤC TIÊU :

#### 1. Kiến thức:

- Giúp học sinh hiểu những tình huống cần viết văn bản thông báo.
- Nắm được đặc điểm của văn bản thông báo
- Biết cách làm văn bản thông báo đúng qui cách.

#### 2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng nhận diện và làm một văn bản thông báo .

#### 3.Thái độ:

- Ý thức được tầm quan trọng của văn bản thông báo.

### II. CHUẨN BỊ:

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Soạn bài: văn bản thông báo
- Sách SGK + SGV + chuẩn kiến thức kỹ năng.

#### 2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học thuộc bài: Luyện tập làm văn bản tường trình.
- Soạn bài: văn bản thông báo.

### III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

#### 1. Ôn định tổ chức: (1')

#### 2. Kiểm tra bài cũ: (5')

Gọi HS làm bài tập 3 trang 137 SGK.

#### 3. Giảng bài mới:

TG	Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng	Ghi chú
14'	<p><b><u>HD 1: HDHS nắm khái niệm về văn bản thông báo</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS đọc thầm 2 văn bản thông báo trong SGK.</li><li>- GV nhắc các em sau khi đọc xong các thông báo cần lưu ý tìm hiểu các yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Ai là người thông báo ? →<i>Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, liên đội trưởng.</i></li><li>+ Viết thông báo cho ai ? →<i>Các GVCN và lớp trưởng các lớp trong nhà trường</i></li></ul></li></ul>	<p><b><u>I. Đặc điểm văn bản thông báo.</u></b></p> <p>1. Ví dụ</p>	

<p>13'</p>	<p>- Các chi đội TNTP HCM trong nhà trường.          ? Thông báo nhằm mục đích gì ?          → + <i>Chủ nhiệm, lớp trưởng biết kế hoạch văn nghệ để chuẩn bị.</i>          + <i>Các chi đội biết và thực hiện theo các nội dung đề ra.</i>          ? Nội dung chính trong các thông báo ấy là gì ?          ? Nhận xét về hình thức trình bày thông báo.          → <i>Ngắn gọn, rõ ràng, sạch sẽ.</i>          Giáo viên nhận xét.          ( GV chốt, gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK )  <b><u>HD 2: HDHS cách làm văn bản thông báo.</u></b>          - GV cho HS đọc các tình huống trong SGK.          ? Tình huống nào cần viết văn bản thông báo?          → <i>a. Cần viết văn bản tường trình với cơ quan công an.</i>             <i>b. Phải viết thông báo.</i>             <i>c. Có thể viết thông báo thay giấy mời.</i>          - GV yêu cầu HS quan sát mục II2 SGK          ? Nêu cách làm văn bản thông báo ?          → <i>Một văn bản thông báo cần có những mục sau đây:</i>          + <i>Thẻ thức mở đầu</i>          + <i>Nội dung thông báo</i>          + <i>Thẻ thức kết thúc văn bản thông báo.</i></p> <p>- GV chốt lại cách làm một văn bản thông báo.          - Gọi HS đọc lưu ý ở SGK ( Mục II 3 )          - GV chốt lại bài học, gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK.</p>	<p>2. Ghi nhớ ( SGK )</p> <p><b><u>II. Cách làm văn bản thông báo.</u></b>  <b>1/ Tình huống cần làm văn bản thông báo.</b>          a. Không cần viết thông báo.          b. Phải viết thông báo.          c. Có thể viết thông báo thay giấy mời.  <b>2/ Cách làm văn bản thông báo.</b>          - Một văn bản thông báo cần có những mục sau đây:          + Thẻ thức mở đầu          + Nội dung thông báo          + Thẻ thức kết thúc văn bản thông báo.  <b>3/ Lưu ý.( SGK )</b></p>	
------------	---	---	--

**IV. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC : ( 2' )**

- Chọn một tình huống trong các tình huống cần viết thông báo ở mục II b để viết.
- Chuẩn bị Luyện tập văn bản thông báo.

**V. RÚT KINH NGHIỆM ,BỔ SUNG:**

.....

## Tiết 138: Trả bài kiểm tra học kì II

### Tiết 139,140: HỆ THỐNG KIẾN THỨC NGỮ VĂN LỚP 8

#### HD 1: HDHS lập bảng hệ thống các văn bản KÌ II

- GV cho HS thảo luận nhóm

( GV sửa, bổ sung )

STT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung.	Giá trị Nghệ thuật.
1	Nhớ rừng	Thế Lữ (1907 – 1989).	Thơ mới ( 8 chữ/ câu )	- Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả nỗi chán ghét thực tại tầm thường, giả dối và khát khao tự do, khơi gợi lòng yêu nước của người dân.	- Bút pháp lãng mạn, truyền cảm - Sự đổi mới câu thơ, vần, nhịp điệu - Phép tương phản, đối lập - Tạo hình đặc sắc.
2	Ông đồ.	Vũ Đình Liên (1913 - 1996).	Thơ mới	- Tình cảnh đáng thương của ông đồ. - Niềm thương cảm chân thành trước lớp người đang tàn tạ và nỗi nhớ tiếc cảnh cũ, người xưa.	- Lời thơ bình dị, cô đọng, hàm súc. - Đối lập, tương phản, hình ảnh thơ nhiều sức gợi cảm. - Câu hỏi tu từ, tả cảnh ngụ tình.
3	Quê hương.	Tế Hanh 1921	Thơ mới	- Thể hiện tình yêu quê hương nồng thắm của tác giả.	- Lời thơ giản dị, mộc mạc, tinh tế - Miêu tả, so sánh, giàu ý biểu trưng.
4	Khi con tu hú	Tố Hữu (1920 – 2002).	Lục bát	- Tình yêu cuộc sống. - Khát khao tự do mãnh liệt.	- Giọng điệu tha thiết, sôi nổi. - Tượng tượng phong phú, dồi dào.

5	Tức cảnh Pác Bó.	Hồ Chí Minh (1890 – 1969).	Thất ngôn tứ tuyệt đường luận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện cuộc sống gian nan, vất vả.</li> <li>- Thể hiện sâu sắc tinh thần lạc quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp cổ điển và hiện đại.</li> <li>- Ý thơ hàm xúc, cô đọng.</li> <li>- Giọng thơ hóm hỉnh vui tươi, kết thúc bất ngờ, có lý.</li> </ul>
6	Ngắm trăng.	Hồ Chí Minh (1890 – 1969).	Thất ngôn tứ tuyệt đường luận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khát khao tự do.</li> <li>- Tình yêu thiên nhiên tha thiết.</li> <li>- Phong thái ung dung, tự tại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân hóa, điệp từ, tương phản, đối lập.</li> <li>- Hiện thực và lãng mạn. cổ điển và hiện đại.</li> </ul>
7	Đi đường.	Hồ Chí Minh (1890 – 1969).	Thất ngôn tứ tuyệt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Con đường đời không bằng phẳng thênh thang mà chông chất những khó khăn, gian lao.</li> <li>Nếu kiên trì, bền gan, vững chí thì sẽ đạt đến đỉnh cao thắng lợi, vẻ vang.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lời thơ bình dị, tự nhiên</li> <li>- Điệp ngữ</li> <li>- Hình tượng thơ vừa mang ý nghĩa thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng.</li> </ul>

**HD 2: HDHS nhận xét sự khác biệt về hình thức nghệ thuật giữa các văn bản**

<p>1. Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông.</p> <p>2. Đập đá ở Côn Lôn</p> <p>3. Muốn làm thằng cuội</p> <p>4. Hai chữ nước nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phan Bội Châu</li> <li>- Phan Châu Trinh</li> <li>- Tản Đà</li> <li>- Trần Tuấn Khải</li> </ul> <p>=&gt; Các nhà Nho tinh thông Hán học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thơ cũ (cổ điển) hạn định số câu, số chữ.</li> <li>- Niêm luật chặt chẽ, gò bó.</li> <li>- Đường luật, thể thơ dân tộc, song thất lục bát.</li> <li>- Cảm xúc cũ, tư duy cũ cái .... cá nhân chưa được đề cao và biểu hiện trực tiếp.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thế Lữ</li> <li>- Vũ Đình Liên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm xúc mới, tư duy mới, cái ..... cá nhân trực tiếp phóng khoáng, tự do.</li> <li>- Thể thơ tự do, đổi mới vần điệu, nhịp điệu, lời thơ tự nhiên, bình dị</li> <li>- Vẫn sử dụng thể thơ truyền thống nhưng đổi mới cảm xúc, tư duy thơ.</li> </ul>

<p>1. Nhớ rừng 2. Ông đồ 3. Quê hương.</p>	<p>- Tế Hanh. =&gt; Những tri thức mới mẽ chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây (Pháp).</p>	<p>- Riêng thơ Tố Hữu, ở bài” Khi con tu hú” ( Nội dung chứng minh, hình thức thơ mới ) -&gt; Thơ mới chỉ còn là một phong trào thơ ở Việt Nam ( 1932 - 1945 )</p>	
TG	Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng	Ghi chú
16'	<p><b><u>HDHS ôn tập về các kiểu câu đã học.</u></b></p> <p>? Các em đã học các kiểu câu nào? →<i>Nghi vấn, câu kiến, cảm thán, trần thuật, phủ định...</i></p> <p>? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của mỗi loại câu ?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập. - GV sửa.</p>	<p><b><u>A. Ôn tập về các kiểu câu.</u></b></p> <p><u>I. Lý thuyết:</u></p> <p>- <b>Có 5 kiểu câu:</b> Nghi vấn, câu kiến, cảm thán, trần thuật, phủ định.</p> <p><u>II. Luyện tập.</u></p> <p><b>1/ Câu 1:</b> TT ghép.     Câu 2 : TT đơn.     Câu 3: TT ghép.</p> <p><b>2/ Đặt câu nghi vấn.</b></p> <p>- Cái bản tính tốt đẹp của người ta có thể bị những gì che lấp mất. - Những gì có thể che lấp mất cái bản tính tốt của người ta..</p> <p><b>3/ Đặt câu.</b></p> <p>- Buồn ơi là buồn! - Ôi vui quá. - Bài thơ này hay thật - Hôm nay bạn đẹp thật.</p> <p><b>4.a.</b> - 1, 3, 6 : Các câu TT.     - 2, 5, 7: Các câu nghi vấn.     - 4: Câu câu kiến</p>	

<p>15'</p>	<p><b><u>HDHS ôn tập về hành động nói</u></b></p> <p>? Thế nào là hành động nói? Nêu các kiểu hành động nói ?</p> <p>- GV Yêu cầu HS nhắc lại</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập</p> <p>- GV sửa.</p>	<p><b>b.</b> Câu nghi vấn dùng để hỏi: 7</p> <p>Câu nghi vấn không dùng để hỏi: 2, 5</p> <p><b><u>B. Hành động nói.</u></b></p> <p>I. Lý thuyết.</p> <p>II. Luyện tập</p> <p><b>1/</b> Câu 1: Hành động kể</p> <p>Câu 2: Hành động bộc lộ Câu 3: cảm xúc</p> <p>Câu 4: Hành động nhận định.</p> <p>Câu 5: Hành động đề nghị.</p> <p>Câu 6: Hành động giải thích.</p> <p>Câu 7: Hành động phủ định bác bỏ.</p> <p>Câu 8: Hành động hỏi.</p> <p><b>2.</b></p> <p>1. Trần thuật - Hành động kể - Dùng trực tiếp.</p> <p>2. Nghi vấn - Hành động bộc lộ cảm xúc - Dùng gián tiếp.</p> <p>3. Cảm thán.- Hành động nhận định - Dùng trực tiếp.</p> <p>4. Cầu khiến - Hành động đề nghị - Dùng trực tiếp.</p> <p>5. Nghi vấn - Hành động giải thích - Dùng gián tiếp.</p> <p>6. Phủ định - Hành động phủ định bác bỏ - Dùng trực tiếp.</p> <p>7. Nghi vấn - Hành động hỏi - Dùng trực tiếp.</p> <p><b>3/</b> Đặt câu, xác định mục đích của hành động nói.</p>	
------------	---	---	--

<p>11'</p>	<p><b><u>HDHS ôn tập về lựa chọn trật tự từ.</u></b></p> <p>? Nêu nhận xét chung về cách sắp xếp trật tự từ ?</p> <p>?Nêu tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ ?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài tập</p> <p>- GV sửa, kết luận.</p>	<p><b>- DKTL:</b> Trong một câu có nhiều cách sắp xếp trật tự từ mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng, người nói, người viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.</p> <p><b>- DKTL:</b></p> <p>+ Thể hiện thứ tự nhất định</p> <p>+ Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm.</p> <p>+ Liên kết câu</p> <p>+ Đảm bảo sự hài hòa.</p> <p><b>C. Lựa chọn trật tự từ trong câu</b></p> <p><b>I. Lý thuyết</b></p> <p><b>II. Luyện tập</b></p> <p>1. - Theo thứ tự của tầm quan trọng</p> <p>- Theo trình tự của diễn biến tâm trạng</p> <p>2. a. Tạo liên kết câu</p> <p>b. Nhấn mạnh thông tin chính của câu.</p> <p>3.Câu a có tính nhạc hơn vì:</p> <p>- Đặt câu” man mác” trước khúc nhạc đồng quê -&gt; Gọi cảm xúc mạnh hơn.</p> <p>- Kết thúc thanh bằng ( quê ) có độ ngân hơn kết thúc thanh trắc ( mác ).</p>	
<p><b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS</b></p>	<p><b>Nội dung</b></p>		<p><b>Ghi chú</b></p>
<p>Hình thành các đơn vị kiến thức bài học</p>	<p>1) Văn bản cần có tính thống nhất để cho các ý trong văn bản mạch lạc, không rời rạc.</p>		



<p>Ôn lại kiến thức đã học về tập làm văn.</p>	<p>Tình thống nhất của văn bản thể hiện qua chủ đề (thường được bộc lộ qua đề bài, các quan hệ giữa các phần, các từ ngữ then chốt lặp đi lặp lại)</p> <p>2) Viết đoạn văn: HS viết theo 2 cách diễn dịch và qui nạp theo yêu cầu SGK.</p> <p>3) Ta cần phải tóm tắt văn bản tự sự vì có những tác phẩm tự sự ta đã học nếu muốn ghi lại nội dung chính để thông báo cho người khác biết. Muốn tóm tắt văn bản tự sự cần đọc kĩ để nắm được chủ đề, xác định nội dung chính cần tóm tắt, sắp xếp theo trật tự hợp lí, viết thành văn bản tóm tắt.</p> <p>4) Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.</p> <p>5) Khi viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, cần chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn sự việc chính.</li> <li>- Lựa chọn ngôi kể</li> <li>- Xác định thứ tự kể</li> <li>- Xác định yếu tố biểu cảm và miêu tả dùng trong đoạn văn tự sự sẽ viết.</li> <li>- Viết thành đoạn văn tự sự có kết hợp 2 yếu tố trên cho hợp lí.</li> </ul> <p>6) Văn bản thuyết minh có tính chất khách quan, đòi hỏi trung thực và có nhiều lợi ích cho con người vì cung cấp tri thức nhiều mặt trong đời sống. Các văn bản thuyết minh thường gặp: sách giáo khoa, các toa, giới thiệu thuốc, đồ dùng...</p> <p>7) Muốn làm văn bản thuyết minh cần phải quan sát, tìm hiểu, tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết. Có 6 phương pháp thuyết minh ( .....)</p> <p>8) Bố cục văn bản thuyết minh :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu đối tượng thuyết minh</li> <li>- Thân bài: Trình bày cấu tạo, vị trí, công dụng, nguồn gốc...</li> <li>- Kết bài: Nêu lợi ích, bày tỏ cảm nghĩ.</li> </ul>	
--	---	--

	<p><b>9)</b> Luận điểm trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết nêu ra trong bài.</p> <p><b>10)</b> Bài nghị luận có thể kết hợp với các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm nhưng đối với mức độ vừa phải làm cho luận điểm được sáng tỏ thêm, rõ ràng và sinh động hơn.</p> <p><b>11)</b> Văn bản tường trình là của cấp dưới gửi lên cấp trên nhằm trình bày rõ rệt sự việc xảy ra gây hậu quả cần xem xét. Văn bản thông báo là của cấp trên truyền đạt những thông tin cụ thể cho cấp dưới biết để thực hiện hay tham gia.</p>	
--	---	--